TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** ————————

Bản án số: 55/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 15/11/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương;

2. Ông Nguyễn Quang Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/TLST – HNGĐ ngày 25/7/2019 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXX - ST ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/TLST - HNGĐ ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nông Văn H – Sinh năm 1987."Có mặt".

Địa chỉ: Bản P Đ, xã M S, huyện P T, tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị T – Sinh năm 1986." Vắng mặt".

Địa chỉ: Bản N V, xã Pom Lót, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, anh Nông Văn H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Tiên lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pom Lót, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 29/10/2013. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai người không hợp nhau, đời sống chung không hạnh phúc, không có tương lai vì không có con với nhau. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Tiên.

2. Về con chung: Không có.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: không có.

Tại biên bản tự khai ngày 08/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Quàng Thị T (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Hải lấy nhau có đăng ký kết hôn năm 2013, tại UBND xã Pom Lót, huyện Đ B, chúng tôi kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và chúng tôi không có con chung. Hiện tại, hai người đã sống ly thân. Nay anh Hải làm đơn xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Hải, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hải xin ly hôn với chị Tiên, chị Tiên có hộ khẩu thường trú tại xã Pom Lót, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Tiên và anh Hải kết hôn năm 2013, đến năm 2019 thì anh Hải khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị T và anh Nông Văn H lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai người bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Hai người đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau, từ đó cho đến nay hai người không đoàn tụ lần nào. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Tiên và anh Hải đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Hải xác định tình cảm của mình đối với chị Tiên không còn. Tại phiên tòa anh Hải vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tiên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho hai người khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hải và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa anh Nông Văn H và chị Quàng Thị T.

[5]. Về con chung: Không có.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Đối với bị đơn Quàng Thị T không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228/BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Quàng Thị T.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hải phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS.

Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Cho anh Nông Văn H được ly hôn với chị Quàng Thị T.

2 - Về con chung: Không có.

3- Về Tài sản: Không có.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án . Anh Hải phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hải đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai số 0003227 ngày 25/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Pom Lót, H ĐB;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương